

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2020/DS-PT

Ngày: 01-9-2020

V/v tranh chấp: “Yêu cầu mở
đường thoát nước và dẫn nước
qua bất động sản liền kề phục vụ
tưới tiêu trong canh tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 8 đến ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Yêu cầu mở đường thoát nước và dẫn nước qua bất động sản liền kề phục vụ tưới tiêu trong canh tác”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 322/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 316/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền ngày 01/6/2020)

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1946 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thế T: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020)

3. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà S: Bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hồ Thị L, sinh năm 1981;

2. Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1999 (vắng mặt);

3. Chị Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Chị Đặng Thị Kim T, sinh năm 1969;

5. Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1967 (vắng mặt);

6. Cháu Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của cháu Yến: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1967, bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1969.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Võ Văn M trình bày:

Ông M là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 4081,3 m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc thửa đất 1841 và thửa 1286 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp L, xã P, huyện C, Tiền Giang, để canh tác diện tích đất này ông phải sử dụng nhờ đường nước của ông V nối từ Kênh Mới vào đất của ông. Tuy nhiên, hiện nay đường nước mà ông sử dụng không còn nữa do ông V không cho sử dụng nên toàn bộ diện tích canh tác bị ngập úng gây thiệt hại nghiêm trọng cây trồng trên đất. Từ phần đất của ông M nếu đặt đường ông thoát nước ra kênh công cộng gần nhất (kênh Mới) là sẽ phải đi qua đất của bà L, anh T và bà S. Ông đã nhiều lần liên hệ xin mở đường nước qua đất của bà L, anh T và bà S nhưng không thành và gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P giải quyết cũng không thành công.

Ngày 08/12/2017 ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà L, anh T và bà S cho mở đường thoát nước chiều ngang 01 mét dài khoảng

100 mét nổi từ kênh Mới vào đất của ông đi qua phần đất các bị đơn, tuy nhiên ngày 03/4/2018 ông xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ xin đặt đường ống ngầm từ kênh Mới vào đất của ông đi qua phần đất các bị đơn để thoát nước và dẫn nước, tại phiên tòa ông trình bày xin đặt đường ống ngầm bằng nhựa, kích thước phi 30, vị trí phần đất đào đặt đường ống theo hướng Đông, cách 05 tấc từ đường đan (đường đan từ kênh Mới đi vào đất ông M), đặt sâu 1,2 mét nằm trên phần đất ngang 0,7 mét dài 88,5 mét, vị trí phần đất đặt đường ống ông M đồng ý theo bản đồ địa chính ngày 23/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2018 của Tòa án nhưng có xin điều chỉnh là phần đất đặt đường ống chiều ngang xin là 0,7 mét, còn chiều dài giữ nguyên là 88,5 mét và xin đặt ống nước sâu 1,2 mét, đi qua đất của các bị đơn, tự nguyện đồng ý hỗ trợ giá trị cây trái thiệt hại do đào đất đặt đường ống nước ngầm cho các bị đơn và tự nguyện bồi thường giá trị phần đất dùng sử dụng đặt đường ống nước ngầm nhưng xin bồi thường theo giá đất Nhà nước quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Thế T trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà L, ông T không đồng ý cho mở đường thoát nước vì ông M canh tác tưới tiêu ổn định 20 năm, đất của ông bà ít và cất nhà ở trên đất còn lại không bao nhiêu để trang trải cuộc sống, việc tưới tiêu cũng phải nhờ người khác là ông Ba O và người cho cũng quy định ông chỉ có 01 tấc đủ cho vườn bà L ông T, vườn cây của ông T bà L quá già đào đứt rễ cây không thể phục hồi được, đào xẻ đất trong nhà lo sợ điều cấm kị không tốt cho gia đình.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà là chủ sở hữu đứng tên chủ quyền phần đất diện tích 1700m² trồng cây sa pô, từ trước đến nay ông M không có sử dụng đường nước qua đất của bà nên bà không đồng ý mở đường nước cho ông M qua đất của bà. Bà không đồng ý mở đường nước nên bà không giao nộp bản sao hay bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L trình bày:

Từ trước đến nay ông M không có sử dụng đường nước qua đất của gia đình chị mà sử dụng đường nước (đặt ống bọng) qua đất của ông V, hiện nay phần ống bọng vẫn còn nằm trên đất ông kéo dài từ đất ông M ra đến đường thoát nước công cộng nhưng không biết lý do gì mà ông V chặn đường ống lại. Chị không đồng ý mở đường nước cho ông M qua đất của gia đình chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Việt H, chị Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Ông M từ trước đến nay không có sử dụng đường nước qua đất gia đình bà Nguyễn Thị Ngọc L, do đó không đồng ý mở đường nước cho ông M qua đất của gia đình bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Huỳnh Thị Kim Y, bà Đặng Thị Kim T, ông Huỳnh Văn A trình bày:

Ông M từ trước đến nay không có sử dụng đường nước qua đất gia đình bà S mà sử dụng đường nước của ông V nên không đồng ý mở đường nước cho ông M qua đất bà S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 322/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Khoản 8 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 253 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn M.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thị S cho nguyên đơn Võ Văn M đặt đường ống ngầm để thoát nước và dẫn nước qua phần đất của bà L, ông T, bà S cụ thể:

Đường ống ngầm để thoát nước và dẫn nước bằng nhựa, kích thước phi 30, dài 88,5 mét nối từ đất của ông M qua đất bà L, anh T và bà S ra kênh Mới, đặt sâu 1,2 mét nằm trên phần đất ngang 0,7 mét dài 88,5 mét của 03 bị đơn (diện tích đất 61,95 m²), vị trí phần đất đào đặt đường ống theo hướng Đông, cách 05 tấc từ đường đan (đường đan từ kênh Mới đi vào đất ông M), đường ống qua phần đất bà L dài 42,2 mét (phần đất sử dụng để đặt ống nước là 29,54 m²), đường ống qua phần đất ông T dài 12,8 mét (phần đất sử dụng để đặt ống nước là 8,96 m²), đường ống qua phần đất bà S dài 33,5 mét (phần đất sử dụng để đặt ống nước là 23,45 m²), (phần đất đặt đường ống theo bản đồ địa chính ngày 23/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có bản đồ địa chính kèm theo) và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/6/2018 của Tòa án (có biên bản kèm theo) chỉ thay đổi về chiều ngang là 0,7 mét và đặt sâu 1,2 mét thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông M tự nguyện đồng ý hỗ trợ giá trị cây trái thiệt hại do đào đất làm đường ống ngầm để thoát và dẫn nước cho các bị đơn bà L và anh T, cụ thể: hỗ trợ cho bà L 3.390.000 đồng (11 cây tấc loại B1, B2), hỗ trợ anh T 1.000.000 đồng (01 cây dừa loại 1), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông M tự nguyện bồi thường giá trị các phần đất dùng sử dụng đào đặt đường ống ngầm để thoát và dẫn nước, cụ thể: bồi thường cho bà L 13.293.000 đồng, bồi thường cho anh T 4.032.000 đồng, bồi thường cho bà S 10.552.500 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/11/2019, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chị không đồng ý mở đường thoát nước như bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án mở đường thoát nước phía bên phải phần đất của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Thế T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Từ trước đến nay ông M không có sử dụng đường qua đất của gia đình bà mà ông M sử dụng đường nước của ông Nguyễn Trọng V hiện đường nước này vẫn còn. Nếu mở đường nước trên đất của bà thì sẽ ảnh hưởng đến cây trái trên đất. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị L.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị L là không có căn cứ vì phần đất của ông Võ Văn M ở thửa 1841, 1286 có vị trí phía trong, còn các thửa đất của ông T, bà L, bà S nằm phía ngoài giáp đường kênh công cộng. Trước đây ông M sử dụng nhờ đường nước của ông V nhưng hiện nay ông M không còn tiếp tục sử dụng nên yêu cầu xin mở đường nước qua các phần đất của bà S, bà L và ông T rất thuận lợi gần kênh công cộng. Tuy nhiên, án sơ thẩm căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính ngày 23/10/2018 để buộc bị đơn mở đường nước cho ông M là không đúng vị trí.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị L, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Hồ Thị L thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu mở đường thoát nước và dẫn nước qua bất động sản liền kề phục vụ tưới tiêu trong canh tác*” theo qui định tại Điều 253 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng qui định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Võ Văn M là chủ sử dụng hợp pháp diện tích 4.081,3m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm thuộc thửa 1841, 1286 tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp L, xã P, huyện C. Để canh tác diện tích đất này trước đây ông M phải sử dụng nhờ đường nước của ông Nguyễn Trọng V nối từ kênh mương vào đất của ông. Tuy nhiên, hiện nay đường nước mà ông sử dụng trước đây không còn được sử dụng nữa do ông V không cho sử dụng tiếp nên toàn bộ diện tích canh tác bị ngập úng gây thiệt hại nghiêm trọng cây trồng trên đất. Từ phần đất của ông M ra đến kênh công cộng (kênh Mới) gần nhất phải đi qua các phần đất của bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông

Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị S nên ông M khởi kiện yêu cầu mở đường nước trên đất của các hộ trên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của ông M buộc các ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị S mở đường nước cho ông M là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị L không đồng ý mở đường nước cho ông Võ Văn M vì từ trước tới nay ông M sử dụng đường nước của ông V, không có sử dụng đường nước trên đất của chị và các bị đơn, đồng thời việc mở đường nước trên đất của các bị đơn ảnh hưởng đến cây trái trên đất.

Xét thấy: Căn cứ bản trích lục bản đồ địa chính ngày 23/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện phần đất của ông M ở thửa 1841, 1286 giáp với đất của bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị S. Phần đất của bà S giáp đường công cộng và kênh công cộng. Trên các thửa đất của bà S, bà L, ông T có một đường nước dẫn từ kênh công cộng vào 03 thửa đất trên nên việc ông M xin mở đường nước có sẵn trên đất của 03 hộ trên rất thuận tiện.

Căn cứ Điều 252 Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy*”.

Căn cứ Điều 253 Bộ luật Dân sự quy định: “*Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó; nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường*”.

Theo qui định trên thì ông M yêu cầu mở đường nước qua các thửa đất của ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Nguyễn Thị S là có căn cứ phù hợp qui định tại điều 253 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T, bà S, bà L mở đường nước theo trích lục bản đồ địa chính ngày 23/10/2018 là không đúng vị trí đường nước mà nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ biên bản thẩm định ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì đường nước yêu cầu mở có vị trí phía Tây phần đất của bà S, ông T và bà L. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm.

Đối với đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị L (đề ngày 31/8/2020) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cây trồng trên phần đất phải mở đường nước cho ông M có 15 cây mít chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết.

Xét thấy: Tại biên bản định giá và biên bản thẩm định ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C thể hiện “*cây trồng trên đất thửa 1281 của bà Nguyễn Thị Ngọc L gồm có Tắc loại B1: 05 cây; Tắc loại B2: 06 cây*”. Ngoài ra không còn cây trồng nào khác. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà L cũng không có ý kiến về số cây nêu trên. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét số cây trồng này, đồng thời bà L không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét số cây trồng phát sinh sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử. Nếu các

bên có tranh chấp về số cây trồng (15 cây Mít) thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[4] Từ các phân tích trên, xét kháng cáo của chị L là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị Hồ Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 252, Điều 253, Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số 322/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn M.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị S cho nguyên đơn ông Võ Văn M đặt đường ống ngầm để thoát nước và dẫn nước qua phần đất của bà L, ông T, bà S cụ thể:

Đường ống ngầm để thoát nước và dẫn nước bằng nhựa, kích thước phi 30, dài 88,5 mét nối từ đất của ông M qua đất bà L, ông T và bà S ra kênh Mới, đặt sâu 1,2 mét nằm trên phần đất ngang 0,7 mét dài 88,5 mét của 03 bị đơn (diện tích đất 61,95 m²), vị trí phần đất đào đặt đường ống theo hướng Tây, cách 05 tấc từ đường đan (đường đan từ kênh Mới đi vào đất ông M), đường ống qua phần đất bà L dài 42,2 mét (phần đất sử dụng để đặt ống nước là 29,54 m²), đường ống qua phần đất ông T dài 12,8 mét (phần đất sử dụng để đặt ống nước là 8,96 m²), đường ống qua phần đất bà S dài 33,5 mét (phần đất sử dụng để đặt ống nước là 23,45 m²), phần đất đặt đường ống theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (có biên bản kèm theo), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ông M tự nguyện đồng ý hỗ trợ giá trị cây trái thiệt hại do đào đất làm đường ống ngầm để thoát và dẫn nước cho các bị đơn bà L và ông T, cụ thể: hỗ trợ cho bà L 3.390.000 đồng (11 cây tắc loại B1, B2), hỗ trợ ông T 1.000.000 đồng (01 cây dừa loại 1), thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông M tự nguyện bồi thường giá trị các phần đất dùng sử dụng đào đặt đường ống ngầm để thoát và dẫn nước, cụ thể: bồi thường cho bà L

13.293.000 đồng, bồi thường cho ông T 4.032.000 đồng, bồi thường cho bà S 10.552.500 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01509 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Võ Văn M phải chịu 1.613.375 đồng án phí dân sự, ông M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26742 ngày 19/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 1.313.375 đồng án phí.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị S cùng chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 00 phút, ngày 01/9/2020 có mặt ông M, bà B, bà L, chị L, chị T và đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Phòng KTNV &THA TAT; (để báo cáo)
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy